

UBND TỈNH THANH HÓA
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /STTTT-CNTT

Thanh Hóa, ngày tháng 8 năm 2023

V/v tài liệu hướng dẫn thực hiện, đánh giá, thẩm định, thẩm tra kết quả thực hiện các tiêu chí chuyển đổi số và hồ sơ đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn hoàn thành tiêu chí chuyển đổi số hàng năm.

Kính gửi: UBND các huyện, thị xã, thành phố

Thực hiện Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành các tiêu chí chuyển đổi số cấp xã đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Trên cơ sở hướng dẫn của các đơn vị được giao chủ trì hướng dẫn, đôn đốc hoàn thành chỉ tiêu chuyển đổi số cấp xã tại các văn bản sau:

- Công văn số 917/VP-CNTT ngày 12/6/2023 của Văn phòng UBND tỉnh về việc cung cấp biểu mẫu báo cáo kết quả, thẩm định, thẩm tra, công nhận hoàn thành tiêu chí chuyển đổi số cấp xã về thư điện tử công vụ.

- Công văn số 222/HCC-HCQT ngày 13/6/2023 của Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh về việc cung cấp tài liệu hướng dẫn triển khai và các biểu mẫu báo cáo kết quả, thẩm định, thẩm tra công nhận hoàn thành tiêu chí chuyển đổi số cấp xã.

- Công văn số 2848/SNN&PTNT-QLCL ngày 13/6/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc cung cấp tài liệu hướng dẫn triển khai và các biểu mẫu báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí được giao tại số Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Công văn số 1615/SCT-XNK ngày 14/6/2023 của Sở Công thương về việc cung cấp tài liệu hướng dẫn triển khai và các biểu mẫu báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí được giao tại số Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Công văn số 2559/SLĐTBOXH-GDNN ngày 14/6/2023 của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội về việc cung cấp tài liệu hướng dẫn triển khai và các biểu mẫu báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí được giao tại số Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Công văn số 797a/THH-,NSKSNB ngày 13/6/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa về việc cung cấp tài liệu hướng dẫn triển khai và các biểu mẫu báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí được giao tại số Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh

- Công văn số 2579/SYT-VP ngày 21/6/2023 của Sở Y tế về việc cung cấp tài liệu hướng dẫn triển khai và các biểu mẫu báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí được

giao tại số Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Công văn số 1908/SGDĐT-VP ngày 23/6/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc cung cấp tài liệu hướng dẫn triển khai và các biểu mẫu báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí được giao tại số Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh

- Công văn số 2705/CAT-PV01 ngày 30/8/2023 của Công an tỉnh về việc cung cấp tài liệu hướng dẫn triển khai và các biểu mẫu báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí được giao tại số Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, biên tập hệ thống tài liệu hướng dẫn thực hiện, đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí và hồ sơ đề nghị thẩm định, thẩm tra, công nhận hoàn thành tiêu chí chuyển đổi số hàng năm cho cấp xã, cụ thể như sau:

1. Hướng dẫn triển khai thực hiện, mẫu biểu đánh giá kết quả

(Có Hướng dẫn kèm theo)

2. Điều kiện để công nhận xã, phường, thị trấn hoàn thành tiêu chí chuyển đổi số hàng năm

Thực hiện theo Điều 2 Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Hồ sơ, trình tự đánh giá, thẩm định và điều kiện công nhận các xã, phường, thị trấn hoàn thành các tiêu chí chuyển đổi số.

- Thực hiện theo Điều 3 Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Hồ sơ, tài liệu minh chứng kết quả của các nội dung tiêu chí (tài liệu: file video, âm thanh, văn bản, ...): Nộp bản điện tử, ký số (trừ các file video, hình ảnh, âm thanh).

+ Tài liệu kiểm chứng (báo cáo, kế hoạch, thông báo, quyết định...) phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc các tài liệu kiểm chứng khác đủ độ tin cậy (nếu có) để chứng minh số liệu báo cáo của từng chỉ tiêu.

+ Đối với các chỉ tiêu không có tài liệu kiểm chứng hoặc tài liệu kiểm chứng không có đầy đủ thông tin kiểm chứng theo yêu cầu, địa phương giải trình rõ về số liệu báo cáo và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin giải trình.

4. Mẫu hồ sơ, tài liệu minh chứng

4.1. Đối với cấp xã

Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí chuyển đổi số cấp xã, kèm theo Phụ lục tổng hợp chi tiết kết quả các tiêu chí chuyển đổi số (Theo mẫu số 01 – Hướng dẫn kèm theo).

4.2. Đối với cấp huyện

Báo cáo kết quả thẩm định của UBND cấp huyện kèm theo Phụ lục kết quả thẩm định các tiêu chí chuyển đổi số (Theo mẫu số 02 – Hướng dẫn kèm theo).

4.3. Đối với Thành viên Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh

Ý kiến của Thành viên Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh phụ trách địa phương (Theo mẫu số 03 – Hướng dẫn kèm theo).

4.4. Đối với Sở Thông tin và Truyền thông

Báo cáo kết quả thẩm tra thực hiện các tiêu chí chuyển đổi số (Theo mẫu số 04 – Hướng dẫn kèm theo).

5. Về thời gian thực hiện

- Thời gian thực hiện tự đánh giá, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu chứng minh, đề nghị hoàn thành **trước 15/11 hàng năm** và gửi UBND cấp huyện để thẩm định, trình các cấp có thẩm quyền công nhận.

- Khuyến khích các đơn vị, nếu đủ điều kiện hoàn thành về các nội dung và tiêu chí chuyển đổi số cấp xã thì thực hiện hoàn thiện sớm hồ sơ để trình các cấp có thẩm quyền thẩm định và công nhận.

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh mới hoặc khó khăn, vướng mắc, các đơn vị xin ý kiến trực tiếp các sở, ban, ngành phụ trách tiêu chí để được hướng dẫn; báo cáo Thành viên Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh phụ trách để chỉ đạo, đồng thời phản ánh kịp thời về Sở Thông tin và Truyền thông để phối hợp thực hiện.

Đầu mối phối hợp:

- Ông Cao Văn Luyện - Phòng Quản lý CNTT, Sở Thông tin và Truyền thông.

- Điện thoại: 0914.994.898, mail: luyencv.stttt@thanhhoa.gov.vn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Mai Xuân Liêm (để b/c);
- BCĐ Chuyển đổi số tỉnh (để b/c);
- TV BCĐ Chuyển đổi số tỉnh (để p/h);
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh (để p/h);
- NH NNVN chi nhánh Thanh Hóa (để p/h);
- Các DN VT, CNTT;
- Lưu: VT, CNTT.

GIÁM ĐỐC

Đỗ Hữu Quyết

HƯỚNG DẪN

Triển khai thực hiện, đánh giá kết quả các tiêu chí và hồ sơ đề nghị thẩm định, thẩm tra, công nhận hoàn thành tiêu chí chuyển đổi số hàng năm cho cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

A. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, THẨM ĐỊNH, THẨM TRA

I. CHÍNH QUYỀN SỐ

1. Tiêu chí số 1.1

a) Yêu cầu tiêu chí:

Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu về chuyển đổi số theo giai đoạn và hàng năm.

b) Hướng dẫn thực hiện:

- Xây dựng và ban hành Kế hoạch giai đoạn và hàng năm tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu về chuyển đổi số, trong đó xác định cụ thể các chỉ tiêu, mục tiêu và các nhiệm vụ để tổ chức triển khai thực hiện.

- Hàng năm, có báo cáo đánh giá tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch, trong đó nêu rõ số chỉ tiêu đạt, chỉ tiêu chưa đạt, thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân chưa đạt chỉ tiêu.

c) Thành phần hồ sơ chứng minh:

- Kế hoạch giai đoạn; Kế hoạch hàng năm.

- Báo cáo đánh giá tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch.

2. Tiêu chí số 1.2

a) Yêu cầu tiêu chí:

Lãnh đạo, cán bộ, công chức trên địa bàn cấp xã chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc hoàn toàn trên môi trường điện tử

b) Hướng dẫn thực hiện:

100% Lãnh đạo, cán bộ, công chức chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc trên các hệ thống phần mềm dùng chung của tỉnh (thể hiện 100% các văn bản đến, văn bản phát hành, hồ sơ công việc (trừ văn bản, hồ sơ, tài liệu mật theo quy định) được trao đổi, xử lý, ký số trên các hệ thống phần mềm dùng chung của tỉnh).

c) Thành phần hồ sơ chứng minh:

Báo cáo hàng tháng của Sở Thông tin và Truyền thông về tình hình thực hiện Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 18/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Tiêu chí số 1.3

a) Yêu cầu tiêu chí:

Các văn bản, hồ sơ công việc được tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật theo quy định).

b) Hướng dẫn thực hiện:

100% các văn bản đến, văn bản phát hành, hồ sơ công việc (trừ văn bản, hồ sơ, tài liệu mật theo quy định) được trao đổi, xử lý, ký số trên các hệ thống phần mềm dùng chung của tỉnh.

c) Thành phần hồ sơ chứng minh:

Báo cáo hàng tháng của Sở Thông tin và Truyền thông về tình hình thực hiện Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 18/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Tiêu chí số 1.4

a) Yêu cầu tiêu chí:

Cán bộ, công chức xã có hộp thư điện tử công vụ của các cơ quan Nhà nước cấp.

b) Hướng dẫn thực hiện, thành phần hồ sơ chứng minh:

Thực hiện theo Công văn số 917/VP-CNTT ngày 12/6/2023 của Văn phòng UBND tỉnh về việc cung cấp biểu mẫu báo cáo kết quả, thẩm định, thẩm tra, công nhận hoàn thành tiêu chí chuyển đổi số cấp xã về thư điện tử công vụ.

5. Tiêu chí số 1.5

a) Yêu cầu tiêu chí:

Hồ sơ TTHC tại UBND cấp xã tiếp nhận, cập nhật, xử lý trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử.

b) Hướng dẫn thực hiện, thành phần hồ sơ chứng minh:

Thực hiện theo Công văn số 222/HCC-HCQT ngày 13/6/2023 của Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh về việc cung cấp tài liệu hướng dẫn triển khai và các biểu mẫu báo cáo kết quả, thẩm định, thẩm tra công nhận hoàn thành tiêu chí chuyển đổi số cấp xã.

6. Tiêu chí số 1.6: Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận, giải quyết trực tuyến

a) Yêu cầu tiêu chí: Chỉ tiêu hàng năm về tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận, giải quyết trực tuyến

b) Hướng dẫn thực hiện, thành phần hồ sơ chứng minh:

Thực hiện theo Công văn số 222/HCC-HCQT ngày 13/6/2023 của Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh về việc cung cấp tài liệu hướng dẫn triển khai và các biểu mẫu báo cáo kết quả, thẩm định, thẩm tra công nhận hoàn thành tiêu chí chuyển đổi số cấp xã.

7. Tiêu chí số 1.7

a) Yêu cầu tiêu chí:

Có ứng dụng nền tảng số hỗ trợ chính quyền cấp xã giao tiếp, tương tác và tiếp nhận các ý kiến, phản ánh, kiến nghị của người dân (Kênh zalo, Trang Thông tin điện tử, ...)

b) Hướng dẫn thực hiện:

Sử dụng các ứng dụng nền tảng số hỗ trợ chính quyền cấp xã giao tiếp, tương tác và tiếp nhận các ý kiến, phản ánh, kiến nghị của người dân (Kênh zalo, Trang Thông tin điện tử, ...).

c) Thành phần hồ sơ chứng minh:

- Liệt kê trong báo cáo các đường link đến các ứng dụng của cấp xã để giao tiếp, tương tác và tiếp nhận các ý kiến, phản ánh, kiến nghị của người dân.

8. Tiêu chí số 1.8

a) Yêu cầu tiêu chí:

Khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phần mềm, nền tảng ứng dụng dùng chung từ Trung ương đến địa phương đảm bảo thông suốt, hiệu quả.

b) Hướng dẫn thực hiện:

Triển khai thực hiện theo hướng dẫn sử dụng của các đơn vị chủ quản về các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phần mềm, nền tảng ứng dụng dùng chung.

c) Thành phần hồ sơ chứng minh:

- Liệt kê các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phần mềm, nền tảng ứng dụng dùng chung.
- Báo cáo đánh giá tình hình sử dụng các sở dữ liệu chuyên ngành, phần mềm, nền tảng ứng dụng dùng chung từ Trung ương đến địa phương, có số liệu chứng minh.

9. Tiêu chí số 1.9

a) Yêu cầu tiêu chí:

Trang thông tin điện tử hoạt động tuân theo quy định Nghị định số 42/2022/NĐ-CP quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

b) Hướng dẫn thực hiện:

- Thực hiện cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng theo quy định tại Chương II Nghị định số 42/2022/NĐ-CP.

- Thực hiện bảo đảm hoạt động cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng theo quy định tại Chương IV Nghị định số 42/2022/NĐ-CP.

c) Thành phần hồ sơ chứng minh:

- Cung cấp địa chỉ trang thông tin điện tử của đơn vị.
- Cung cấp các văn bản: Quyết định thành lập Ban biên tập, Quy chế hoạt động.
- Thống kê tổng hợp tin, bài, hình ảnh, video đã đăng tải trên Trang thông tin điện tử.

10. Tiêu chí số 1.10

a) Yêu cầu tiêu chí:

Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ công chức, người lao động của cơ quan

b) Hướng dẫn thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch tổ chức Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ công chức, người lao động của cơ quan

- Tổ chức triển khai các hội nghị, lớp hoặc cử cán bộ công chức tham gia các khóa đào tạo, các Hội nghị, lớp tập huấn do các cơ quan có thẩm quyền triệu tập.

c) Thành phần hồ sơ chứng minh:

- Kế hoạch tổ chức Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ công chức, người lao động của cơ quan
- Công văn triệu tập, cử cán bộ công chức tham gia các khóa đào tạo, các Hội nghị, lớp tập huấn; các hình ảnh, video, tài liệu minh chứng việc tổ chức thực hiện.

II. KINH TẾ SỐ

1. Tiêu chí số 2.1

a) Yêu cầu tiêu chí:

Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, sản xuất và người dân về chuyển đổi số, phát triển kinh tế, mua bán, phân phối hàng hóa dựa trên môi trường mạng

b) Hướng dẫn thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch tổ chức Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ công chức, người lao động của cơ quan
- Tổ chức triển khai các hội nghị, lớp hoặc cử cán bộ công chức tham gia các khóa đào tạo, các Hội nghị, lớp tập huấn do các cơ quan có thẩm quyền triệu tập.

c) Thành phần hồ sơ chứng minh:

- Kế hoạch tổ chức Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ công chức, người lao động của cơ quan
- Công văn triệu tập, cử cán bộ công chức tham gia các khóa đào tạo, các Hội nghị, lớp tập huấn; các hình ảnh, video, tài liệu minh chứng việc tổ chức thực hiện.

2. Tiêu chí số 2.2

a) Yêu cầu tiêu chí:

Các sản phẩm, dịch vụ có lợi thế của xã, sản phẩm OCOP được quảng bá, giới thiệu trên mạng internet (trang thông tin điện tử, mạng xã hội,...)

b) Hướng dẫn thực hiện, thành phần hồ sơ chứng minh:

Thực hiện theo Công văn số 2848/SNN&PTNT-QLCL ngày 13/6/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc cung cấp tài liệu hướng dẫn triển khai và các biểu mẫu báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí được giao tại số Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Tiêu chí số 2.3

a) Yêu cầu tiêu chí:

Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, sản xuất có sản phẩm OCOP, sản phẩm có lợi thế được đưa lên sàn thương mại điện tử postmart.vn, voso.vn và các sàn thương mại điện tử khác đạt 100%.

b) Hướng dẫn thực hiện, thành phần hồ sơ chứng minh:

Thực hiện theo Công văn số 1615/SCT-XNK ngày 14/6/2023 của Sở Công thương về việc cung cấp tài liệu hướng dẫn triển khai và các biểu mẫu báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí được giao tại số Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Tiêu chí số 2.4

a) Yêu cầu tiêu chí:

Tỷ lệ doanh nghiệp, tổ chức sử dụng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt qua các kênh thanh toán điện tử

b) Hướng dẫn thực hiện, thành phần hồ sơ chứng minh:

Thực hiện theo Công văn số 797a/THH-NSKSNB ngày 13/6/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa về việc cung cấp tài liệu hướng dẫn triển khai và các biểu mẫu báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí được giao tại số Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

5. Tiêu chí số 2.5

a) Yêu cầu tiêu chí: Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt theo các chỉ tiêu giao hàng năm.

b) Hướng dẫn thực hiện, thành phần hồ sơ chứng minh:

Danh sách các doanh nghiệp trên địa bàn có sử dụng hợp đồng điện tử (theo mẫu số 2.5).

6. Tiêu chí số 2.6

a) Yêu cầu tiêu chí:

Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt theo các chỉ tiêu giao hàng năm.

b) Hướng dẫn thực hiện:

Các nền tảng số phục vụ sản xuất, kinh doanh, quản lý của các doanh nghiệp: Quản trị tổng hợp (Quản lý nhân sự, chấm công, tiền lương, Quản trị khách hàng,...), Kế toán, Thương mại điện tử, Hóa đơn điện tử, Chữ ký số, Hợp đồng điện tử, Sản xuất, Hạ tầng & quản lý thông tin, ...

c) Thành phần hồ sơ chứng minh:

Danh sách doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn, trong đó thể hiện cụ thể việc sử dụng các nền tảng số của các doanh nghiệp (theo mẫu số 2.6).

III. XÃ HỘI SỐ

1. Tiêu chí số 3.1

a) Yêu cầu tiêu chí:

Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được thông tin, tuyên truyền, đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt theo các chỉ tiêu giao hàng năm.

b) Hướng dẫn thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện.

- Đăng tải các bài tuyên truyền trên Trang TTĐT; phát trên hệ thống đài truyền thanh; qua các cuộc họp, hội nghị, hội thảo để thông tin, tuyên truyền, đào tạo kỹ năng số cơ bản cho người dân trong độ tuổi lao động trên địa bàn.

c) Thành phần hồ sơ chứng minh:

- Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện

- Tài liệu nội dung để thông tin, tuyên truyền, đào tạo kỹ năng số cơ bản cho người dân.

2. Tiêu chí số 3.2

a) Yêu cầu tiêu chí:

Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác

b) Hướng dẫn thực hiện, thành phần hồ sơ chứng minh:

Thực hiện theo Công văn số 797a/THH-,NSKSNB ngày 13/6/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa về việc cung cấp tài liệu hướng dẫn triển khai và các biểu mẫu báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí được giao tại số Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Tiêu chí số 3.3

a) Yêu cầu tiêu chí:

Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động thông minh có sử dụng phần mềm an toàn thông tin mạng cơ bản đạt theo các chỉ tiêu giao hàng năm.

b) Hướng dẫn thực hiện:

Thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân cài đặt, sử dụng các phần mềm an toàn thông tin mạng cơ bản trên điện thoại di động thông minh (Theo tài liệu hướng dẫn tại Công văn số 3097/BTTTT-THH ngày 29/7/2022 của Bộ TTTT về việc phổ cập kỹ năng số cộng đồng đến thành viên của Tổ công nghệ số cộng đồng và người dân; trong đó, có hướng dẫn cài đặt Ứng dụng C-mSafe).

c) Thành phần hồ sơ chứng minh:

Danh sách thuê bao điện thoại di động thông minh có sử dụng phần mềm an toàn thông tin mạng cơ bản (theo mẫu số 3.3)

4. Tiêu chí số 3.4

a) Yêu cầu tiêu chí:

Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt theo các chỉ tiêu giao hàng năm

b) Hướng dẫn thực hiện:

Thông tin, tuyên truyền, khuyến khích người dân sử dụng điện thoại thông minh; rà soát, thống kê số lượng dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.

c) Thành phần hồ sơ chứng minh:

Danh sách dân số trưởng thành có điện thoại thông minh (theo mẫu số 3.3)

5. Tiêu chí số 3.5

a) Yêu cầu tiêu chí:

Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử, được cập nhật, bổ sung thông tin thường xuyên đạt theo các chỉ tiêu giao hàng năm.

b) Hướng dẫn thực hiện, thành phần hồ sơ chứng minh:

Thực hiện theo Công văn số 2579/SYT-VP ngày 21/6/2023 của Sở Y tế về việc cung cấp tài liệu hướng dẫn triển khai và các biểu mẫu báo cáo kết quả thực hiện

tiêu chí được giao tại số Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

6. Tiêu chí số 3.6

a) Yêu cầu tiêu chí:

Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt theo các chỉ tiêu giao hàng năm.

b) Hướng dẫn thực hiện, hành phần hồ sơ chứng minh:

Thực hiện theo Công văn số 2579/SYT-VP ngày 21/6/2023 của Sở Y tế về việc cung cấp tài liệu hướng dẫn triển khai và các biểu mẫu báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí được giao tại số Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

7. Tiêu chí số 3.7

a) Yêu cầu tiêu chí:

Các trường tiểu học đến trung học cơ sở hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở

b) Hướng dẫn thực hiện, thành phần hồ sơ chứng minh:

Thực hiện theo Công văn số 1908/SGDĐT-VP ngày 23/6/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc cung cấp tài liệu hướng dẫn triển khai và các biểu mẫu báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí được giao tại số Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

8. Tiêu chí số 3.8

a) Yêu cầu tiêu chí:

Tỷ lệ cơ sở giáo dục và đào tạo chấp nhận thanh toán học phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt

b) Hướng dẫn thực hiện, thành phần hồ sơ chứng minh:

Thực hiện theo Công văn số 1908/SGDĐT-VP ngày 23/6/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo và Công văn số 2559/SLĐT BXH-GDNN ngày 14/6/2023 của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội về việc cung cấp tài liệu hướng dẫn triển khai và các biểu mẫu báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí được giao tại số Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

9. Tiêu chí số 3.9

a) Yêu cầu tiêu chí:

Số lượng người dân có tài khoản định danh điện tử đạt theo các chỉ tiêu giao hàng năm.

b) Hướng dẫn thực hiện, thành phần hồ sơ chứng minh:

Thực hiện theo Công văn số 2705/CAT-PV01 ngày 30/8/2023 của Công an tỉnh về việc cung cấp tài liệu hướng dẫn triển khai và các biểu mẫu báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí được giao tại số Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

10. Tiêu chí số 3.10

a) Yêu cầu tiêu chí:

Tỷ lệ dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt theo các chỉ tiêu giao hàng năm.

b) Hướng dẫn thực hiện:

Thông tin, tuyên truyền, khuyến khích, hỗ trợ độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân; Phối hợp với các đơn vị cung cấp giải pháp trong việc cung cấp, cài đặt chữ ký số cho người dân; rà soát, thống kê số lượng dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.

c) Thành phần hồ sơ chứng minh:

Danh sách dân số trưởng thành có điện thoại thông minh (theo mẫu số 3.3)

11. Tiêu chí số 3.11

a) Yêu cầu tiêu chí:

Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt theo các chỉ tiêu giao hàng năm.

b) Hướng dẫn thực hiện:

Thông tin, tuyên truyền, khuyến khích, hỗ trợ, hướng dẫn người dân độ tuổi trưởng thành trở lên có sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần hồ sơ chứng minh:

Cung cấp danh sách thống kê số lượng dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến (theo mẫu số 3.3).

12. Tiêu chí số 3.12

a) Yêu cầu tiêu chí:

Tỷ lệ hộ gia đình thanh toán tiền điện bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt

b) Hướng dẫn thực hiện, thành phần hồ sơ chứng minh:

Thực hiện theo Công văn số 1615/SCT-XNK ngày 14/6/2023 của Sở Công thương về việc cung cấp tài liệu hướng dẫn triển khai và các biểu mẫu báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí được giao tại số Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

IV. HẠ TẦNG SỐ

1. Tiêu chí số 4.1

a) Yêu cầu tiêu chí:

Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang, mạng thông tin di động 4G/5G sẵn sàng cung cấp dịch vụ đến các hộ gia đình.

b) Hướng dẫn thực hiện:

Tăng cường thông tin, tuyên truyền và hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông rà soát triển khai xây dựng hạ tầng viễn thông tại các khu vực dân cư chưa có cáp quang, chưa được phủ sóng thông tin di động.

c) Thành phần hồ sơ chứng minh:

- Danh sách các hộp cáp quang có xác nhận của các doanh nghiệp viễn thông; danh sách các trạm thông tin di động BTS trên địa bàn (Theo mẫu số 4.1).

2. Tiêu chí số 4.2

a) Yêu cầu tiêu chí:

Hạ tầng và trang thiết bị CNTT tại UBND xã đáp ứng phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt.

b) Hướng dẫn thực hiện:

Triển khai thực hiện phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt.

c) Thành phần hồ sơ chứng minh:

- Quyết định phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin mạng nội bộ.
- Hồ sơ, tài liệu chứng minh đã thực hiện phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt.

3. Tiêu chí số 4.3

a) Yêu cầu tiêu chí:

100% CBCC có máy tính phục vụ công việc

b) Hướng dẫn thực hiện; thành phần hồ sơ chứng minh:

Danh sách cán bộ công chức có máy tính để phục vụ công tác (Theo mẫu 1.4).

4. Tiêu chí số 4.4

a) Yêu cầu tiêu chí:

Có hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến được kết nối thông suốt từ cấp xã đến cấp huyện, tỉnh và Trung ương (Khuyến khích đến cấp thôn).

b) Hướng dẫn thực hiện:

Thực hiện theo Quy chế số 35/2021/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh về Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

c) Thành phần hồ sơ chứng minh:

Báo cáo tình hình quản lý và sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến hằng năm.

5. Tiêu chí số 4.5

a) Yêu cầu tiêu chí:

Có điểm phát wifi công cộng tại các địa điểm quan trọng trong xã tùy thuộc điều kiện (như tại UBND xã, nhà văn hoá, các điểm du lịch,...)

b) Hướng dẫn thực hiện, thành phần hồ sơ chứng minh:

Danh sách điểm phát wifi công cộng (Theo mẫu 4.5).

6. Tiêu chí số 4.6

a) Yêu cầu tiêu chí:

Có hệ thống Camera an ninh được kết nối đến UBND xã hoặc công an xã để quản lý và giám sát

b) Hướng dẫn thực hiện, thành phần hồ sơ chứng minh:

Thực hiện theo hướng dẫn của ngành Công an.

7. Tiêu chí số 4.7

a) Yêu cầu tiêu chí:

Hệ thống đài truyền thanh có ứng dụng viễn thông - CNTT

b) Hướng dẫn thực hiện:

Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24/11/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

c) Thành phần hồ sơ chứng minh:

Hồ sơ, tài liệu liên quan chứng minh đài truyền thanh của đơn vị là Hệ thống đài truyền thanh có ứng dụng viễn thông – CNTT.

8. Tiêu chí số 4.8

a) Yêu cầu tiêu chí:

Điểm cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông tại xã (nếu có) trở thành điểm tư vấn, hỗ trợ, triển khai các dịch vụ chuyển đổi số.

b) Hướng dẫn thực hiện, thành phần hồ sơ chứng minh:

Báo cáo tình hình hoạt động của Điểm cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông tại xã (nếu có) tại địa phương hoặc hình ảnh minh chứng.

B. HỆ THỐNG CÁC BIỂU MẪU VÀ HỒ SƠ CHỨNG MINH TIÊU CHÍ

1. Mẫu số 01: Mẫu báo cáo kết quả chuyển đổi số cấp xã

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các tiêu chí chuyển đổi số trên địa bàn, huyện

Thực hiện Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu hoàn thành chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025; Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành các tiêu chí chuyển đổi số cấp xã đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Văn bản của huyện

UBND báo cáo kết quả thực hiện, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện
2. Công tác thông tin, tuyên truyền
3. Công tác ban hành các cơ chế, chính sách, văn bản, quy định

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ

Lưu ý: Đánh giá kết quả thực hiện từng tiêu chí cụ thể; có tài liệu, số liệu minh chứng rõ ràng cho từng tiêu chí; tài liệu minh chứng đặt theo số thứ tự các tiêu chí; lưu các tài liệu theo thư mục tên các tiêu chí.

1. Chính quyền số

- Chỉ tiêu đạt:
- Chỉ tiêu đang triển khai:
- Chỉ tiêu không hoàn thành:

Cụ thể, kết quả đạt như sau:

1.1. Tiêu chí số 1.1

- a) Yêu cầu tiêu chí:
- b) Kết quả:

(1.1. Tài liệu minh chứng kèm theo)

- c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

1.2. Tiêu chí số 1.2

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(1.2. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

1.3. Tiêu chí số 1.3

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(1.3. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

1.4. Tiêu chí số 1.4

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(1.4. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

1.5. Tiêu chí số 1.5

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(1.5. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

1.6. Tiêu chí số 1.6

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(1.6. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

1.7. Tiêu chí số 1.7

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(1.7. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

1.8. Tiêu chí số 1.8

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(1.8. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

1.9. Tiêu chí số 1.9

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(1.3. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

1.10. Tiêu chí số 1.10

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(1.10. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

1.11. Tiêu chí số 1.11

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(1.11. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

2. Kinh tế số

- Chỉ tiêu đạt:

- Chỉ tiêu đang triển khai:

- Chỉ tiêu không hoàn thành:

Cụ thể, kết quả đạt như sau:

2.1. Tiêu chí số 2.1

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(2.1. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

2.2. Tiêu chí số 2.2

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(2.2. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

2.3. Tiêu chí số 2.3

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(2.3. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

2.4. Tiêu chí số 2.4

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(2.4. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

2.5. Tiêu chí số 2.5

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(2.5. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

2.6. Tiêu chí số 2.6

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(2.6. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

3. Xã hội số

- Chỉ tiêu đạt:

- Chỉ tiêu đang triển khai:

- Chỉ tiêu không hoàn thành:

Cụ thể, kết quả đạt như sau:

3.1. Tiêu chí số 3.1

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(3.1. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

3.2. Tiêu chí số 3.2

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(3.2. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

3.3. Tiêu chí số 3.3

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(3.3. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

3.4. Tiêu chí số 3.4

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(3.4. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

3.5. Tiêu chí số 3.5

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(3.5. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

3.6. Tiêu chí số 3.6

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(3.6. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

3.7. Tiêu chí số 3.7

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(3.7. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

3.8. Tiêu chí số 3.8

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(3.8. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

3.9. Tiêu chí số 3.9

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(3.9. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

3.10. Tiêu chí số 3.10

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(3.10. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

3.11. Tiêu chí số 3.11

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(3.11. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

3.12. Tiêu chí số 3.12

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(3.12. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

4. Hạ tầng số

- Chỉ tiêu đạt:

- Chỉ tiêu đang triển khai:

- Chỉ tiêu không hoàn thành:

Cụ thể, kết quả đạt như sau:

4.1. Tiêu chí số 4.1

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(4.1. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

4.2. Tiêu chí số 4.2

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(4.2. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

4.3. Tiêu chí số 4.3

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(4.3. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

4.4. Tiêu chí số 4.4

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(4.4. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

4.5. Tiêu chí số 4.5

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(4.5. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

4.6. Tiêu chí số 4.6

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(4.6. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

4.7. Tiêu chí số 4.7

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(4.7. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

4.8. Tiêu chí số 4.8

a) Yêu cầu tiêu chí:

b) Kết quả:

(4.8. Tài liệu minh chứng kèm theo)

c) Đánh giá: Đạt/ Không đạt.

*(Kết quả đánh giá cụ thể các tiêu chí chuyển đổi số như phụ lục 01 kèm theo)***III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

1. Đánh giá chung

1.1. Thuận lợi

1.2. Khó khăn, tồn tại

1.3. Nguyên nhân

2. Một số mô hình chuyển đổi số nổi bật

Gợi ý: Lựa chọn mô hình nổi bật ở các lĩnh vực Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, hạ tầng số để làm điểm nhấn của đơn vị.

2.1. Tên mô hình 1:

- Mô tả:

- Nhận xét (tính hiệu quả): Từ việc theo cách truyền thống sang ứng dụng công nghệ số thì hiệu quả như thế nào

2.2. Tên mô hình 2:

- Mô tả:

- Nhận xét (tính hiệu quả): Từ việctheo cách truyền thống sang ứng dụng công nghệ số thì hiệu quả như thế nào

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TIẾP THEO**IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT****Nơi nhận:**

-

-

- Lưu: VT, VP.

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC 01
CHI TIẾT TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ CHUYÊN ĐỔI SỐ

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Kết quả	Đánh giá (Đạt/Không đạt)	Tài liệu minh chứng	Ghi chú
1	Chính quyền số						
1.1	Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu về chuyển đổi số theo giai đoạn và hàng năm.	Văn bản					
1.2	Lãnh đạo, cán bộ, công chức trên địa bàn cấp xã chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc hoàn toàn trên môi trường điện tử	%					
1.3	Các văn bản, hồ sơ công việc được tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật theo quy định).	%					
1.4	Cán bộ, công chức xã có hộp thư điện tử công vụ của các cơ quan Nhà nước cấp.	%					
1.5	Hồ sơ TTHC tại UBND cấp xã tiếp nhận, cập nhật, xử lý trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử.	%					
1.6	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận, giải quyết trực tuyến.	%					
1.7	Ứng dụng nền tảng số hỗ trợ chính quyền cấp xã giao tiếp, tương tác và tiếp nhận các ý kiến, phản ánh, kiến nghị của người dân (Kênh zalo, Trang Thông tin điện tử, ...)	Kênh giao tiếp					
1.8	Khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phần mềm, nền tảng ứng dụng dùng chung từ Trung ương đến địa phương đảm bảo thông suốt, hiệu quả.	Hệ thống					

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Kết quả	Đánh giá (Đạt/Không đạt)	Tài liệu minh chứng	Ghi chú
1.9	Trang thông tin điện tử hoạt động tuân theo quy định Nghị định số 42/2022/NĐ-CP quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng	Có trang					
1.10	Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ công chức, người lao động của cơ quan.	%					
1.11	Triển khai các nền tảng công nghệ, ứng dụng phòng, chống dịch theo các hướng dẫn của Bộ Y tế và Bộ Thông tin và Truyền thông.	Nền tảng					
2	Kinh tế số						
2.1	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, sản xuất và người dân về chuyển đổi số, phát triển kinh tế, mua bán, phân phối hàng hóa dựa trên môi trường mạng.	%					
2.2	Các sản phẩm, dịch vụ có lợi thế của xã, sản phẩm OCOP được quảng bá, giới thiệu trên mạng internet (trang thông tin điện tử, mạng xã hội,...)	%					
2.3	Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, sản xuất có sản phẩm OCOP, sản phẩm có lợi thế được đưa lên sàn thương mại điện tử postmart.vn, voso.vn và các sàn thương mại điện tử khác.	%					

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Kết quả	Đánh giá (Đạt/Không đạt)	Tài liệu minh chứng	Ghi chú
2.4	Tỷ lệ doanh nghiệp, tổ chức sử dụng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt qua các kênh thanh toán điện tử	%					
2.5	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	%					
2.6	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	%					
3	Xã hội số						
3.1	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được thông tin, tuyên truyền, đào tạo kỹ năng số cơ bản	%					
3.2	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	%					
3.3	Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động thông minh có sử dụng phần mềm an toàn thông tin mạng cơ bản	%					
3.4	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	%					
3.5	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử, được cập nhật, bổ sung thông tin thường xuyên.	%					
3.6	Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa .	%					
3.7	Các trường tiểu học đến trung học cơ sở hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở.	%					
3.8	Tỷ lệ cơ sở giáo dục và đào tạo chấp nhận thanh toán học phí bằng phương thức thanh toán không	%					

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Kết quả	Đánh giá (Đạt/Không đạt)	Tài liệu minh chứng	Ghi chú
	dùng tiền mặt						
3.9	Số lượng người dân có tài khoản định danh điện tử	%					
3.10	Tỷ lệ dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%					
3.11	Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%					
3.12	Tỷ lệ hộ gia đình thanh toán tiền điện bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.	%					
4	Hạ tầng số						
4.1	Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang, mạng thông tin di động 4G/5G sẵn sàng cung cấp dịch vụ đến các hộ gia đình.	%					
4.2	Hạ tầng và trang thiết bị CNTT tại UBND xã đáp ứng phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt.	Hệ thống					
4.3	100% CBCC có máy tính phục vụ công việc	%					
4.4	Có hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến được kết nối thông suốt từ cấp xã đến cấp huyện, tỉnh và Trung ương (Khuyến khích đến cấp thôn).	Hệ thống					

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Kết quả	Đánh giá (Đạt/Không đạt)	Tài liệu minh chứng	Ghi chú
4.5	Có điểm phát wifi công cộng tại các địa điểm quan trọng trong xã tùy thuộc điều kiện (như tại UBND xã, nhà văn hoá, các điểm du lịch,...).	Điểm phát					
4.6	Có hệ thống Camera an ninh được kết nối đến UBND xã hoặc công an xã để quản lý và giám sát	Hệ thống					
4.7	Hệ thống đài truyền thanh có ứng dụng viễn thông - CNTT	Đài					
4.8	Điểm cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông tại xã (nếu có) trở thành điểm tư vấn, hỗ trợ, triển khai các dịch vụ chuyển đổi số	Điểm					

2. Mẫu số 02: Mẫu báo cáo kết quả thẩm định các tiêu chí chuyển đổi số cấp xã của UBND cấp huyện.

UBND

Số: /BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO

Về việc thẩm định hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã hoàn thành các tiêu chí chuyển đổi số cho năm

Thực hiện Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành các tiêu chí chuyển đổi số cấp xã đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; UBND báo cáo kết quả thẩm định như sau:

I. Về hồ sơ, tài liệu minh chứng

II. Về kết quả thực hiện các tiêu chí chuyển đổi số

1. Chính quyền số

2. Kinh tế số

3. Xã hội số

4. Hạ tầng và nền tảng số

(Kết quả thẩm định chi tiết theo Phụ lục số 02)

III. Mô hình nổi trội về chuyển đổi số

IV. Kết luận

Căn cứ kết quả thẩm định: xã, huyện/thị xã/thành phố..... đã hoàn thành/. Tiêu chí chuyển đổi số cấp xã năm, tỷ lệ đạt%.

Kết quả: ĐẠT/ KHÔNG ĐẠT

V. Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

-

- Lưu: VT,

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC 02

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH CHI TIẾT THỰC HIỆN TIÊU CHÍ CHUYỂN ĐỔI SỐ CHO XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN.....

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chi tiêu	Kết quả tự đánh giá của UBND cấp xã	Kết quả thẩm định của UBND cấp huyện	Đánh giá (Đạt/Không đạt)	Ghi chú
1	Chính quyền số						
1.1	Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu về chuyển đổi số theo giai đoạn và hàng năm.	Văn bản					
1.2	Lãnh đạo, cán bộ, công chức trên địa bàn cấp xã chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc hoàn toàn trên môi trường điện tử	%					
1.3	Các văn bản, hồ sơ công việc được tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật theo quy định).	%					
1.4	Cán bộ, công chức xã có hộp thư điện tử công vụ của các cơ quan Nhà nước cấp.	%					
1.5	Hồ sơ TTHC tại UBND cấp xã tiếp nhận, cập nhật, xử lý trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử.	%					
1.6	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận, giải quyết trực tuyến.	%					
1.7	Ứng dụng nền tảng số hỗ trợ chính quyền cấp xã giao tiếp, tương tác và tiếp nhận các ý kiến, phản ánh, kiến nghị của người dân (Kênh zalo, Trang Thông tin điện tử, ...)	Kênh giao tiếp					
1.8	Khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phần mềm, nền tảng ứng dụng dùng	Hệ thống					

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của UBND cấp xã	Kết quả thẩm định của UBND cấp huyện	Đánh giá (Đạt/Không đạt)	Ghi chú
	chung từ Trung ương đến địa phương đảm bảo thông suốt, hiệu quả.						
1.9	Trang thông tin điện tử hoạt động tuân theo quy định Nghị định số 42/2022/NĐ-CP quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng	Có trang					
1.10	Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ công chức, người lao động của cơ quan.	%					
1.11	Triển khai các nền tảng công nghệ, ứng dụng phòng, chống dịch theo các hướng dẫn của Bộ Y tế và Bộ Thông tin và Truyền thông.	Nền tảng					
2	Kinh tế số						
2.1	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, sản xuất và người dân về chuyển đổi số, phát triển kinh tế, mua bán, phân phối hàng hóa dựa trên môi trường mạng.	%					
2.2	Các sản phẩm, dịch vụ có lợi thế của xã, sản phẩm OCOP được quảng bá, giới thiệu trên mạng internet (trang thông tin điện tử, mạng xã hội,...)	%					
2.3	Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ	%					

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của UBND cấp xã	Kết quả thẩm định của UBND cấp huyện	Đánh giá (Đạt/Không đạt)	Ghi chú
	kinh doanh, sản xuất có sản phẩm OCOP, sản phẩm có lợi thế được đưa lên sàn thương mại điện tử postmart.vn, voso.vn và các sàn thương mại điện tử khác.						
2.4	Tỷ lệ doanh nghiệp, tổ chức sử dụng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt qua các kênh thanh toán điện tử	%					
2.5	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	%					
2.6	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	%					
3	Xã hội số						
3.1	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được thông tin, tuyên truyền, đào tạo kỹ năng số cơ bản	%					
3.2	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	%					
3.3	Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động thông minh có sử dụng phần mềm an toàn thông tin mạng cơ bản	%					
3.4	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	%					
3.5	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử, được cập nhật, bổ sung thông tin thường xuyên.	%					

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của UBND cấp xã	Kết quả thẩm định của UBND cấp huyện	Đánh giá (Đạt/Không đạt)	Ghi chú
3.6	Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa .	%					
3.7	Các trường tiểu học đến trung học cơ sở hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở.	%					
3.8	Tỷ lệ cơ sở giáo dục và đào tạo chấp nhận thanh toán học phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt	%					
3.9	Số lượng người dân có tài khoản định danh điện tử	%					
3.10	Tỷ lệ dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%					
3.11	Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%					
3.12	Tỷ lệ hộ gia đình thanh toán tiền điện bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.	%					
4	Hạ tầng số						
4.1	Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang, mạng thông tin di động 4G/5G sẵn sàng cung cấp dịch vụ đến các hộ gia đình.	%					
4.2	Hạ tầng và trang thiết bị CNTT tại UBND xã đáp ứng phương án đảm bảo an toàn thông tin	Hệ thống					

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của UBND cấp xã	Kết quả thẩm định của UBND cấp huyện	Đánh giá (Đạt/Không đạt)	Ghi chú
	theo cấp độ đã được phê duyệt.						
4.3	100% CBCC có máy tính phục vụ công việc	%					
4.4	Có hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến được kết nối thông suốt từ cấp xã đến cấp huyện, tỉnh và Trung ương (Khuyến khích đến cấp thôn).	Hệ thống					
4.5	Có điểm phát wifi công cộng tại các địa điểm quan trọng trong xã tùy thuộc điều kiện (như tại UBND xã, nhà văn hoá, các điểm du lịch,...).	Điểm phát					
4.6	Có hệ thống Camera an ninh được kết nối đến UBND xã hoặc công an xã để quản lý và giám sát	Hệ thống					
4.7	Hệ thống đài truyền thanh có ứng dụng viễn thông - CNTT	Đài					
4.8	Điểm cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông tại xã (nếu có) trở thành điểm tư vấn, hỗ trợ, triển khai các dịch vụ chuyển đổi số	Điểm					

3. Mẫu số 03: Mẫu ý kiến của Thành viên Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh về Hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí chuyển đổi số của đơn vị
.....

UBND TỈNH THANH HÓA

(Đơn vị)

Số:

V/v ý kiến về hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí chuyển đổi số của đơn vị.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi: UBND huyện/thị xã/ thành phố

Thực hiện Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành các tiêu chí chuyển đổi số cấp xã đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Thành viên Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh ý kiến về hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí chuyển đổi số của như sau:

I. Về hồ sơ, tài liệu minh chứng

II. Về kết quả thực hiện các tiêu chí chuyển đổi số

1. Chính quyền số

2. Kinh tế số

3. Xã hội số

4. Hạ tầng và nền tảng số

III. Mô hình nổi trội về chuyển đổi số

IV. Kết luận

Căn cứ kết quả kiểm tra: đơn vị, huyện/thị xã/thành phố..... đã hoàn thành/. Tiêu chí chuyển đổi số cấp xã năm, tỷ lệ đạt%.

Kết quả: **ĐẠT YÊU CẦU/ KHÔNG ĐẠT YÊU CẦU**

V.

Nơi nhận:

- BCĐ chuyển đổi số tỉnh (để bc);

- Sở TTTT (để tổng hợp);

-

- Lưu: VT,

THÀNH VIÊN

BAN CHỈ ĐẠO CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH

(Ký tên, đóng dấu)

4. Mẫu số 04: Mẫu báo cáo kết quả thẩm tra các tiêu chí chuyển đổi số

UBND TỈNH THANH HÓA
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
Số: /BC-STTTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO

Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã hoàn thành các tiêu chí chuyển đổi số cho năm

Thực hiện Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành các tiêu chí chuyển đổi số cấp xã đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo kết quả thẩm tra về hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí chuyển đổi số của như sau:

- I. Về hồ sơ, tài liệu minh chứng
- II. Về kết quả thực hiện các tiêu chí chuyển đổi số
 1. Chính quyền số
 2. Kinh tế số
 3. Xã hội số
 4. Hạ tầng và nền tảng số

(Kết quả thẩm định chi tiết theo Phụ lục số 02)

- III. Mô hình nổi trội về chuyển đổi số
- IV. Kết luận

Căn cứ kết quả thẩm tra: xã, huyện/thị xã/thành phố..... đã hoàn thành/.... Tiêu chí chuyển đổi số cấp xã năm, tỷ lệ đạt%.

Kết quả: **ĐẠT/ KHÔNG ĐẠT**

- V. Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

-
- Lưu: VT,

GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC 03

KẾT QUẢ THẨM TRA CÁC TIÊU CHÍ CHUYÊN ĐỔI SỐ CHO XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN.....

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Kết quả thẩm định của UBND cấp huyện	Kết quả thẩm tra của Sở TTTT	Đánh giá (Đạt/Không đạt)	Ghi chú
1	Chính quyền số						
1.1	Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu về chuyển đổi số theo giai đoạn và hàng năm.	Văn bản					
1.2	Lãnh đạo, cán bộ, công chức trên địa bàn cấp xã chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc hoàn toàn trên môi trường điện tử	%					
1.3	Các văn bản, hồ sơ công việc được tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật theo quy định).	%					
1.4	Cán bộ, công chức xã có hộp thư điện tử công vụ của các cơ quan Nhà nước cấp.	%					
1.5	Hồ sơ TTHC tại UBND cấp xã tiếp nhận, cập nhật, xử lý trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử.	%					
1.6	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận, giải quyết trực tuyến.	%					
1.7	Ứng dụng nền tảng số hỗ trợ chính quyền cấp xã giao tiếp, tương tác và tiếp nhận các ý kiến, phản ánh, kiến nghị của người dân (Kênh zalo, Trang Thông tin điện tử, ...)	Kênh giao tiếp					
1.8	Khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phần mềm, nền tảng ứng dụng dùng chung từ Trung ương đến địa phương đảm bảo	Hệ thống					

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Kết quả thẩm định của UBND cấp huyện	Kết quả thẩm tra của Sở TTTT	Đánh giá (Đạt/Không đạt)	Ghi chú
	thông suốt, hiệu quả.						
1.9	Trang thông tin điện tử hoạt động tuân theo quy định Nghị định số 42/2022/NĐ-CP quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng	Có trang					
1.10	Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ công chức, người lao động của cơ quan.	%					
1.11	Triển khai các nền tảng công nghệ, ứng dụng phòng, chống dịch theo các hướng dẫn của Bộ Y tế và Bộ Thông tin và Truyền thông.	Nền tảng					
2	Kinh tế số						
2.1	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, sản xuất và người dân về chuyển đổi số, phát triển kinh tế, mua bán, phân phối hàng hóa dựa trên môi trường mạng.	%					
2.2	Các sản phẩm, dịch vụ có lợi thế của xã, sản phẩm OCOP được quảng bá, giới thiệu trên mạng internet (trang thông tin điện tử, mạng xã hội,...)	%					
2.3	Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, sản xuất có sản phẩm OCOP, sản phẩm có lợi thế được đưa lên sàn thương mại	%					

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Kết quả thẩm định của UBND cấp huyện	Kết quả thẩm tra của Sở TTTT	Đánh giá (Đạt/Không đạt)	Ghi chú
	điện tử postmart.vn, voso.vn và các sàn thương mại điện tử khác.						
2.4	Tỷ lệ doanh nghiệp, tổ chức sử dụng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt qua các kênh thanh toán điện tử	%					
2.5	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	%					
2.6	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	%					
3	Xã hội số						
3.1	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được thông tin, tuyên truyền, đào tạo kỹ năng số cơ bản	%					
3.2	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	%					
3.3	Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động thông minh có sử dụng phần mềm an toàn thông tin mạng cơ bản	%					
3.4	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	%					
3.5	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử, được cập nhật, bổ sung thông tin thường xuyên.	%					
3.6	Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa .	%					
3.7	Các trường tiểu học đến trung học cơ sở hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số,	%					

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Kết quả thẩm định của UBND cấp huyện	Kết quả thẩm tra của Sở TTTT	Đánh giá (Đạt/Không đạt)	Ghi chú
	chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở.						
3.8	Tỷ lệ cơ sở giáo dục và đào tạo chấp nhận thanh toán học phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt	%					
3.9	Số lượng người dân có tài khoản định danh điện tử	%					
3.10	Tỷ lệ dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%					
3.11	Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%					
3.12	Tỷ lệ hộ gia đình thanh toán tiền điện bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.	%					
4	Hạ tầng số						
4.1	Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang, mạng thông tin di động 4G/5G sẵn sàng cung cấp dịch vụ đến các hộ gia đình.	%					
4.2	Hạ tầng và trang thiết bị CNTT tại UBND xã đáp ứng phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt.	Hệ thống					
4.3	100% CBCC có máy tính phục vụ công việc	%					

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Kết quả thẩm định của UBND cấp huyện	Kết quả thẩm tra của Sở TTTT	Đánh giá (Đạt/Không đạt)	Ghi chú
4.4	Có hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến được kết nối thông suốt từ cấp xã đến cấp huyện, tỉnh và Trung ương (Khuyến khích đến cấp thôn).	Hệ thống					
4.5	Có điểm phát wifi công cộng tại các địa điểm quan trọng trong xã tùy thuộc điều kiện (như tại UBND xã, nhà văn hoá, các điểm du lịch,...).	Điểm phát					
4.6	Có hệ thống Camera an ninh được kết nối đến UBND xã hoặc công an xã để quản lý và giám sát	Hệ thống					
4.7	Hệ thống đài truyền thanh có ứng dụng viễn thông - CNTT	Đài					
4.8	Điểm cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông tại xã (nếu có) trở thành điểm tư vấn, hỗ trợ, triển khai các dịch vụ chuyển đổi số	Điểm					

C. CÁC MẪU BẢNG BIỂU

- Các mẫu biểu thực hiện theo hướng dẫn của các sở, ban, ngành phụ trách tiêu chí (có các văn bản kèm theo);
- Các mẫu biểu (đặt theo tên các tiêu chí) do Sở Thông tin và Truyền thông phụ trách như sau:

Mẫu 1.4. Danh sách cán bộ, công chức có máy tính và được cấp hộp thư điện tử công vụ

STT	Họ tên	Chức vụ	Có máy tính làm việc	Hộp thư điện tử công vụ (ghi địa chỉ hộp thư)	Ghi chú
1					
2					
...					
	Tổng cộng				

- Tổng số CBCC của cơ quan: người.
- Tỷ lệ CBCC có máy tính/tổng số CBCC:%
- Tỷ lệ CBCC được cấp hộp thư điện tử công vụ/tổng số CBCC:%

Người thống kê
(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của UBND xã
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 2.5. Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử

TT	Tên doanh nghiệp	Số điện thoại liên hệ	Sử dụng hợp đồng điện tử		Ghi chú
			Có/Không	Đơn vị cung cấp hợp đồng điện tử	

Tổng số DNVVN:

Tỷ lệ DNVVN sử dụng hợp đồng điện tử:

Cán bộ tổng hợp
(Ký ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ)

CHỦ TỊCH
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 2.6. Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số

TT	Tên doanh nghiệp	Số điện thoại liên hệ	Sử dụng nền tảng số	Ghi chú

Tổng số DNVVN:

Tỷ lệ DNVVN sử dụng nền tảng số:

Cán bộ tổng hợp

(Ký ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ)

CHỦ TỊCH

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 3.3. Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động thông minh có sử dụng phần mềm an toàn thông tin mạng cơ bản

TT	Họ và tên	Số điện thoại liên hệ	Có điện thoại thông minh	Có cài đặt PM ATTT	Có chữ ký số	Có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Ghi chú

Tổng dân số trưởng thành:

Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh:

Tỷ lệ thuê bao điện thoại thông minh được cài đặt phần mềm ATTT:

Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số:

Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến:

Cán bộ tổng hợp

(Ký ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ)

CHỦ TỊCH

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 4.1. Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang, mạng thông tin di động 4G/5G sẵn sàng cung cấp dịch vụ đến các hộ gia đình.

1. Danh sách hộp cáp cung cấp dịch vụ Internet băng thông rộng

TT	Địa chỉ lắp đặt	Mạng thông tin di động (ghi tên doanh nghiệp)	Ghi chú

2. Danh sách các trạm thu, phát sóng thông tin di động

TT	Tên thôn/bản/khu phố	Hộp cáp cung cấp dịch vụ truy cập Internet băng rộng	Ghi chú

Cán bộ tổng hợp
(Ký ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ)

Xác nhận của UBND xã
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Xác nhận của Doanh nghiệp

VNPT:

Viettel:.....

Mobifone:.....

Mẫu số 4.5. Danh sách các khu vực công cộng, điểm du lịch cộng đồng, ... có wifi công cộng trên địa bàn xã

STT	Khu vực/tên điểm du lịch cộng đồng	Địa chỉ (Số nhà/thôn)	Ghi chú
1	Khu vực UBND xã		
2	Hội trường UBND xã		
...	<i>Các điểm Nhà văn hóa, điểm công cộng, du lịch cộng đồng, ...</i>		
...			
	Tổng cộng		

- Tổng số điểm công cộng có wifi:

Người thống kê
(ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của UBND xã
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)